

Phạm Văn Chương, Phan Thị Thanh, Nguyễn Thị Nhân, 2012. Kết quả “Ứng dụng quy trình quản lý dinh dưỡng tổng hợp (ICM) để nâng cao năng suất lạc Xuân diện tích 150 ha tại Nghệ An”.

Phan Thị Thanh, Trần Duy Việt, Nguyễn Thị Nhân, Đậu Thị Vinh, 2015. Kết quả ứng dụng các tiến bộ

kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất lạc đạt năng suất cao tại Hà Tĩnh.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Nghệ An, 2017. Báo cáo tình hình sản xuất ngành trồng trọt trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2017.

Establishment of intensive cultivation model for spring peanut with high yield on the converted land in Nghe An and Ha Tinh provinces

Phan Thi Thanh, Trinh Duc Toan, Tran Duy Viet, Nguyen Viet Duc

Abstract

A model of intensive cultivation for spring peanut with high-yield on land converted from inefficient rice-growing was established by the Agricultural Science Institute of Northern Central Vietnam in period of 2016 - 2018 on the area of about 140 ha in Nghe An and Ha tinh provinces. The results showed that the peanut yield of model in Nghe An was recorded at 39.5 - 40.1 quintals/ha and the economic efficiency increased by 25.7 - 41.32% while in Ha Tinh reached 38.17 - 39.38 quintals/ha and the economic efficiency increased by 27.7 - 43.4% in comparison to that of the previous crop.

Keywords: Peanuts, converted land, model, Nghe An, Ha Tinh

Ngày nhận bài: 19/6/2019

Ngày phản biện: 2/7/2019

Người phản biện: PGS. TS. Nguyễn Huy Hoàng

Ngày duyệt đăng: 11/7/2019

XÂY DỰNG MÔ HÌNH SẢN XUẤT RAU, HOA TẠI NGHỆ AN VÀ HÀ TĨNH

Bùi Văn Hùng¹, Phạm Văn Linh¹, Hồ Ngọc Giáp¹,
Phạm Duy Trinh¹, Cao Đỗ Mười¹, Nguyễn Thanh Hải¹

TÓM TẮT

Nghiên cứu đã xây dựng được 05 ha mô hình sản xuất rau bắp cải vụ Đông tại huyện Đức Thọ - tỉnh Hà Tĩnh, 15 ha sản xuất bắp cải vụ Đông tại huyện Diễn Châu - Nghệ An; 0,2 ha sản xuất hoa lily vụ Đông đạt chất lượng cao tại huyện Nam Đàn và huyện Nghi Lộc - tỉnh Nghệ An; 1,8 ha sản xuất hoa cúc vụ Đông đạt chất lượng cao tại huyện Nam Đàn và huyện Nghi Lộc - tỉnh Nghệ An phục vụ chương trình nông thôn mới. 370 lượt nông dân được tập huấn về kỹ thuật sản xuất rau bắp cải an toàn theo VietGAP. Hiệu quả kinh tế mô hình bắp cải tăng trên 37,8% so với đối chứng, lãi thuần đạt từ 98.692.000 đồng đến 121.525.000 đồng/ha. Mô hình sản xuất hoa lily tăng so với đối chứng từ 32,7 - 37%, lãi thuần đạt từ 2.933.740 đồng đến 3.395.740 đồng/ha. Mô hình sản xuất hoa cúc lãi thuần trong mô hình đạt từ 234.997.000 đồng đến 304.410.000 đồng tăng từ 23,7 - 27,2% so với đối chứng.

Từ khóa: Bắp cải, hoa cúc, hoa lily, mô hình

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây tác động của biến đổi khí hậu diễn ra rất khắc nghiệt, khó lường, “... tác động của biến đổi khí hậu sẽ còn làm cho các mối đe dọa và thách thức này thêm nghiêm trọng... Do đó, giảm và quản lý rủi ro thiên tai phải là một phần không thể thiếu của nền nông nghiệp hiện đại” (FAO, 2018).

Báo Nhân dân điện tử, năm 2017 cho rằng: lịch sử nha khí tượng cho thấy thiên tai sẽ ngày càng khốc liệt, nên kỹ năng phòng chống thiên tai của con người ngày càng phải cao hơn để thích ứng. Và trên hết, cần có những giải pháp lâu dài, dựa trên những nghiên cứu khoa học nhằm giảm thiểu thiệt hại những cơn cuồng nộ của thiên nhiên, để không phải có những bản tổng kết đau buồn về thiên tai

¹ Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung Bộ

nặng nề như 2017 (Báo Nhân dân điện tử, 2017). Vì vậy, cần có những giải pháp để hạn chế những rủi ro trong sản xuất nông nghiệp ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

Bên cạnh đó, thực hiện chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, những năm gần đây, một số huyện của 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh đã tập trung xây dựng các mô hình kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung. Trong đó, các giống mới đi cùng với kỹ thuật canh tác mới của các chủng loại rau và hoa được tập trung nghiên cứu và áp dụng vào sản xuất theo hướng trang trại, gia trại tập trung.

Bài viết này đề cập đến việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trên một số chủng loại rau và hoa chất lượng cao được tổ chức sản xuất trên địa bàn các tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh nhằm tăng năng suất và hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân, cung cấp cho thị trường sản phẩm hoa chất lượng và hạn chế rủi ro do thiên tai, ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp, góp phần giảm nghèo một cách bền vững.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Các giống đưa vào nghiên cứu ứng dụng trong mô hình gồm có:

- Giống bắp cải VL540-F1.
- Giống hoa cúc Mai vàng và Farm vàng.
- Giống hoa lily Sorbonne.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Khảo sát địa điểm, chọn điểm, chọn hộ tham gia mô hình: Chọn điểm đáp ứng các tiêu chí: Là vùng sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng của thiên tai (bão, lũ,...) trong năm 2017; là vùng có điều kiện sản xuất rau, hoa; các hộ nông dân tham gia nhiệm vụ phải đảm bảo các yêu cầu về nhân lực.

- Các giống đưa vào mô hình được áp dụng đúng theo quy trình đã được phê duyệt và khuyến cáo cho sản xuất.

- Xây dựng mô hình, đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo: Theo Quy chuẩn được Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành.

- Các chỉ tiêu theo dõi và đánh giá:

+ Đối với cây bắp cải: Các chỉ tiêu theo dõi, số liệu được thu thập theo QCVN 01-120:2013/BNNPTNT - Quy chuẩn Việt Nam về khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng của giống bắp cải (Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2013).

+ Đối với hoa cúc: Khảo nghiệm theo QCVN 01-89:2012/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa cúc (Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2012).

+ Đối với hoa lily: Khảo nghiệm theo QCVN 01-86:2012/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa lily (Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2012).

+ Đánh giá hiệu quả kinh tế: Dựa vào phương pháp hạch toán tài chính tổng quát để phân tích: $RAVC = GR - TC$.

Trong đó: RAVC (Return Above Variable Cost) là lợi nhuận; GR (Gross Return) là tổng thu nhập thuần; TC (Total variable Cost) là tổng chi phí khả biến.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 9 năm 2017 đến tháng 2 năm 2018 tại Nghệ An và Hà Tĩnh.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Mô hình rau bắp cải

3.1.1. Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của mô hình rau bắp cải

Số liệu bảng 1 cho thấy, năng suất thực thu tại các điểm của mô hình luôn cao hơn năng suất vườn đối chứng của dân. Cụ thể, tại Diễn Châu năng suất mô hình cao hơn so với đối chứng 15,5%, tại điểm Nam Đàn năng suất mô hình cao hơn so với đối chứng 13,4%, còn tại điểm Đức Thọ - Hà Tĩnh năng suất của mô hình cao hơn so với đối chứng là 11,8%.

Bảng 1. Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của mô hình rau bắp cải

Địa điểm	Tên giống	Trọng lượng bắp thương phẩm (kg)	Tỉ lệ cuốn bắp (%)	NSLT (tấn/ha)	NSTT (tấn/ha)
Diễn Châu - Nghệ An	VL540-F1	1,64	90	54,01	48,61
	KKCROSS (đ/c)	1,47	87	48,37	42,08
Nam Đàn - Nghệ An	VL540-F1	1,66	85	54,85	46,62
	KKCROSS (đ/c)	1,47	85	48,36	41,11
Đức Thọ - Hà Tĩnh	VL540-F1	1,70	80	56,08	44,86
	KKCROSS (đ/c)	1,52	80	50,18	40,14

3.1.2. Đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình

Nhận xét được rút ra là tổng thu nhập của các mô hình đạt từ 98.692.000 đồng đến 121.525.000 đồng, trong khi đó tổng thu của các vườn đối chứng đạt từ 88.308.000 đến 105.200.000 đồng. Lãi thuần của mô

hình tại Diễn Châu - Nghệ An đạt cao nhất (hơn 59 triệu đồng/ha) trong lúc lãi thuần vườn ngoài mô hình thấp nhất tại Đức Thọ - Hà Tĩnh chỉ hơn 25 triệu đồng/ha. Như vậy, lãi thuần trong mô hình rau bắp cải tăng so với đối chứng từ 37,8 - 40%.

Bảng 2. Hiệu quả kinh tế của mô hình rau bắp cải (tính cho 1 ha)

DVT: 1.000 đồng

Địa điểm	Mô hình	Chi phí đầu tư cho một ha					Hiệu quả			Lãi thuần
		Giống	Phân bón	BVTV	Công LĐ	Tổng chi	S.L tấn/ha	Giá bán/kg	Tổng thu	
Diễn Châu - Nghệ An	VL540-F1	9.900	18.923	2700	30.500	62.023	48,61	2.500	121.525	59.502
	KKCROSS (đ/c)	9.900	18.923	2700	30.500	62.023	42,08	2.500	105.200	43.177
Nam Đàn - Nghệ An	VL540-F1	9.900	18.923	2700	32.000	63.523	46,62	2.300	107.226	43.703
	KKCROSS (đ/c)	9.900	18.923	2700	32.000	63.523	41,11	2.300	94.553	31.030
Đức Thọ - Hà Tĩnh	VL540-F1	9.900	18.923	2700	31.000	62.523	44,86	2.200	98.692	36.169
	KKCROSS (đ/c)	9.900	18.923	2700	31.000	62.523	40,14	2.200	88.308	25.785

3.2. Mô hình hoa cúc

3.2.1. Đánh giá các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất

Qua kết quả bảng 3 cho thấy:

- Tỷ lệ ra hoa của các giống cúc trong mô hình đều cao dao động từ 98,5 - 99,2%, trong khi mô hình đối chứng tỷ lệ ra hoa từ 98,0 - 98,2%.

- Tỷ lệ hoa thực thu trong mô hình (từ 75 - 77%) cao hơn so với đối chứng (từ 66 - 68%).

3.2.2. Đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình hoa cúc

Kết quả bảng 4 cho thấy: Lãi thuần của các mô hình cao hơn mô hình đối chứng ở tất cả các điểm triển khai. Tổng thu trên 1 ha của các mô hình dao động từ 400.612.000 đồng đến 467.775.000 đồng/ha, trong khi đó mô hình đối chứng cho tổng thu/ha từ 350.574.000 - 407.484.000 đồng/ha. Lãi thuần của

mô hình hoa cúc tại Nam Đàn đạt cao nhất (hơn 304 triệu đồng/ha), mô hình thấp nhất tại Nghi Lộc hơn 184 triệu đồng/ha. Lãi thuần của mô hình hoa cúc tăng so với đối chứng từ 23,7 - 27,2%.

Bảng 3. Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất trong và ngoài mô hình

Địa điểm	Giống	Tỷ lệ ra hoa (%)	Tỷ lệ cây hoa thu được/tỷ lệ ra hoa (%)
Nam Đàn	Mai vàng	99	75
	Farm vàng	98,5	75
	Pha lê vàng (đ/c)	98	66
Nghi Lộc	Mai vàng	99,2	77
	Farm vàng	99,1	77
	Pha lê vàng (đ/c)	98,2	68

Bảng 4. Hiệu quả kinh tế của mô hình hoa cúc (tính cho 1 ha/350.000 cây)

Địa điểm	Giống	Tỷ lệ cây hoa thu được/tỷ lệ ra hoa (%)	Đơn giá (1.000 đ/ cây)	Tổng thu (1.000 đ)	Tổng chi (1.000 đ)	Lãi thuần (1.000 đ)
Nam Đàn	Mai vàng	75	1,8	467.775	163.365	304.410
	Farm vàng	75	1,8	465.413	163.365	302.048
	Pha lê vàng (đ/c)	66	1,8	407.484	163.365	244.119
Nghi Lộc	Mai vàng	77	1,5	401.016	165.615	235.401
	Farm vàng	77	1,5	400.612	165.615	234.997
	Pha lê vàng (đ/c)	68	1,5	350.574	165.615	184.959

3.3. Mô hình hoa lily

3.3.1. Đánh giá năng suất của giống hoa lily trong mô hình

Số liệu bảng 5 cho thấy tỷ lệ hoa thu được trong mô hình đạt từ 88 - 90%, ngoài mô hình đạt 77 - 79%, tăng trên 14% so với sản xuất đại trà của dân.

Bảng 5. Năng suất của các giống lily (tính cho 1 ha/200.000 cây) ở các mô hình

Địa điểm	Mô hình	Tỷ lệ cây hoa thu được (%)	Số cây hoa thu được (cây)
Nam Đàn	Trong mô hình	88	176.000
	Mô hình đ/c	77	154.000
Nghị Lộc	Trong mô hình	90	180.000
	Mô hình đ/c	79	158.000

3.3.2. Đánh giá hiệu quả kinh tế của giống hoa lily trong mô hình

Nhận xét: Tổng thu trên 01 ha của mô hình đạt từ 6.336.000.000 - 6.840.000.000 đồng/ha, trong khi đối chứng chỉ từ 5.544.000.000 - 6.004.000.000 đồng/ha. Lãi thuần của mô hình cao nhất tại điểm Nghi Lộc (3.395.740.000 đồng/ha). Lãi thuần ngoài mô hình thấp nhất tại điểm Nam Đàn đạt 2.141.740.000 đồng/ha. Lãi thuần của mô hình hoa lily tăng so với đối chứng từ 32,7 - 37%.

Ngoài những kết quả vừa trình bày, quá trình xây dựng mô hình, cũng đã tổ chức 04 lớp tập huấn cho các hộ nông dân tham gia trong mô hình, với tổng số 370 người tham dự, trong đó nữ tham gia 161 người, chiếm 43,51%, tổ chức 08 cuộc hội nghị, hội thảo với 506 đại biểu tham dự, xây dựng 01 bản tin phóng sự dài 04 phút phát trên Đài Phát thanh Truyền hình Nghệ An năm 2018.

Bảng 6. Hiệu quả kinh tế của mô hình hoa lily (tính cho 1 ha/200.000 cây)

Địa điểm	Mô hình	Phần thu			Tổng chi (1000 đồng)	Lãi thuần (1000 đồng)
		Số cây hoa thực thu (cây)	Giá bán (1.000 đồng)	Tổng (1.000 đồng)		
Nam Đàn	Trong mô hình	176.000	36	6.336.000	3.402.260	2.933.740
	Mô hình đ/c	154.000	36	5.544.000	3.402.260	2.141.740
Nghị Lộc	Trong mô hình	180.000	38	6.840.000	3.444.260	3.395.740
	Mô hình đ/c	158.000	38	6.004.000	3.444.260	2.559.740

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

- Mô hình sản xuất rau bắp cải vụ Đông tại 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh cho năng suất từ 44,86 - 48,61 tấn/ha, tổng doanh thu đạt từ 98.692.000 đồng đến 121.525.000 đồng, tăng từ 11,8 - 15,5% và lãi thuần tăng trên 37,8% so với đối chứng.

- Mô hình sản xuất hoa lily vụ Đông chất lượng cao tại huyện Nam Đàn và huyện Nghi Lộc - Nghệ An có tỷ lệ hoa thu được cao, dao động từ 88 - 90% (trong lúc đối chứng chỉ đạt 77 - 79%), tổng doanh thu đạt từ 6.336.000.000 đồng đến 6.840.000.000 đồng/ha, tăng so với đối chứng từ 32,7 - 37%.

- Mô hình sản xuất hoa cúc vụ Đông đạt chất lượng cao tại huyện Nam Đàn và huyện Nghi Lộc - Nghệ An có tỷ lệ hoa thực thu đạt từ 75 - 77%, (đối chứng 66 - 68%) với doanh thu đạt từ 400.000.000 - 460.000.000 đồng/ha. Hiệu quả kinh tế của mô hình tăng trên 23,7% so với đối chứng.

4.2. Đề nghị

Phổ biến các mô hình sản xuất hoa lily, hoa cúc và bắp cải vào các địa phương ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Nông nghiệp và PTNT**, 2012. QCVN 01-86:2012/BNNPTNT. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa lily.
- Bộ Nông nghiệp và PTNT**, 2012. QCVN 01-89:2012/BNNPTNT. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa cúc.
- Bộ Nông nghiệp và PTNT**, 2013. QCVN 01-120:2013/BNNPTNT Quy chuẩn Việt Nam về khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng của giống bắp cải.
- Báo Nhân dân Điện tử**, 2017. *Năm thiên tai nặng nề*. Địa chỉ: <https://www.nhandan.com.vn/megastory/2017/12/28/>; truy cập ngày 26/5/2019.
- FAO**, 2018. Báo cáo về thiệt hại do thiên tai gây ra tại Hội nghị khu vực về Tăng cường tính chống chịu của Hệ thống Lương thực và Nông nghiệp.

Establishment of production models for flower and vegetable crops in Nghe An and Ha Tinh provinces

Bui Van Hung, Pham Van Linh, Ho Ngoc Giap,
Phạm Duy Trinh, Cao Do Muoi, Nguyen Thanh Hai

Abstract

The study established 5 ha production model for winter cabbage in Duc Tho district, Ha Tinh province; 15 ha for winter cabbage in Dien Chau district, Nghe An province; 0.2 ha for high quality lily in Nam Dan and Nghi Loc districts, Nghe An province for the program of new-style rural communes. 370 farmers were trained on production technique of safe cabbage by VietGAP. The economic efficiency of cabbage production model increased more than 37.8% in comparison to the control; the net profit reached 98.692 - 121.525 mill.VND/ha; the economic efficiency of lily production model increased 32.7 - 37% with the net profit of 2.933 - 3.395 mill.VND/ha. The profit of chrysanthemum production model reached 234.997 - 304.410 mill.VND/ha, increased 23.7 - 27.2% in comparison to the control.

Keywords: cabbage, chrysanthemum, lily, model

Ngày nhận bài: 19/6/2019

Ngày phản biện: 1/7/2019

Người phản biện: GS. TS. Vũ Mạnh Hải

Ngày duyệt đăng: 11/7/2019

NGHIÊN CỨU KỸ THUẬT NHÂN GIỐNG CÂY TỤC ĐOẠN (*Dipsacus japonicus*)

Trần Thị Kim Dung¹, Trần Danh Việt¹, Hoàng Thúy Nga¹,
Phan Thị Lâm¹, Nguyễn Bá Hưng¹, Trần Hữu Khánh Tân¹,
Nguyễn Văn Dũng¹, Đào Văn Núi¹, Tạ Quốc Vượng¹

TÓM TẮT

Nghiên cứu được tiến hành nhằm xác định một số biện pháp kỹ thuật nhân giống cây tục đoạn tại Quán Bạ - Hà Giang. Kết quả nghiên cứu đã xác định được thời vụ thích hợp gieo hạt vào 15/11 cho tỷ lệ nảy mầm cao (đạt 88,7%), tỷ lệ cây sống đạt 86,3%. Phương thức xử lý hạt ngâm trong nước ấm 45°C (2 sôi + 3 lạnh) với thời gian ngâm 60 phút cho hạt nảy mầm nhanh (trung bình 5 ngày), đạt tỷ lệ nảy mầm cao (89,3%) và tỷ lệ cây sống cao (87,1%). Phương pháp gieo bầu đảm bảo tỷ lệ nảy mầm và tỷ lệ cây sống cao cho cây sinh trưởng tốt nhất, chiều cao cây khi xuất vườn sau 60 ngày gieo đạt 13,4 cm, số lá 5,2.

Từ khóa: Thời vụ, nhân giống, tỷ lệ nảy mầm, tỷ lệ cây sống, tục đoạn

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cây tục đoạn (*Dipsacus japonicus* Miq.) là cây thuốc bản địa của Việt Nam, cây thường mọc trên các vùng núi cao trên 800m so với mực nước biển như Lào Cai (Sa Pa, Bát Xát, Bắc Hà, Mường Khương, Than Uyên), Lai Châu (Sìn Hồ, Phong Thổ, Tủa Chùa) và Hà Giang (Đồng Văn, Mèo Vạc và Quán Bạ) (Viện Dược liệu, 2006) (Hình 1).

Tục đoạn ưa khí hậu mát mẻ, nhiệt độ trung bình năm không quá 25°C, khí hậu ôn hòa, có độ ẩm cao, là cây thân thảo sống nhiều năm, khi có hoa cao 1 m hay hơn, có nhiều rễ mập phát triển thành củ được dùng làm thuốc, lá mọc đối, phiến xẻ sâu thành 3 - 7 thùy, mép có răng, cuống có gai, Cụm hoa hình đầu tròn ở chóp thân hay nách lá ngọn, hoa màu đỏ hay lam nhạt, Quả bế dài 15 mm. Cây ra hoa, quả vào tháng 8 - 10 (Đỗ Tất Lợi, 2004; Viện Dược liệu, 2006).



Hình 1. Cây tục đoạn (*Dipsacus japonicus* Miq.)

Theo y học cổ truyền, tục đoạn có vị đắng, cay, tính ôn, có tác dụng bổ gan, thận, tục gân cốt (nổi gân xương), hành huyết, chỉ huyết, an thai, được dùng

¹ Trung tâm Nghiên cứu trồng và chế biến cây thuốc Hà Nội - Viện Dược liệu